

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1, VẬT LÝ 12
Năm học: 2026-2027

1. Ma trận

STT	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá – Cấp độ tư duy									Tổng số câu và ý	Điểm số
		PHẦN I (18 câu TN)			PHẦN II (4 câu TN ĐS)			PHẦN III (6 câu TN TLN)				
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TN	Tổng
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể	2	1		2	1	1		1		8	2,25
2	Nội năng, định luật 1 của nhiệt động lực học	2	1	1	1	1	2			1	9	2,25
3	Nhiệt độ, thang đo nhiệt độ, nhiệt kế	2	1	1				1			5	1,25
4	Nhiệt dung riêng	1	1		1	1	2		1		7	1,75
5	Nhiệt nóng chảy riêng	1	1		2	1	1			1	7	1,75
6	Nhiệt hóa hơi riêng	1	1	1						1	4	1,00
Số câu TN		9TN	6TN	3TN	6TN	4TN	6TN	1TN	2TN	3TN	40	
Tổng điểm		4,5 điểm			4,0 điểm			1,5 điểm				10 điểm

Ghi chú:

+ Các số liệu trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Phần I: 18 câu LÝ THUYẾT**

+ **Phần II: 16 ý LÝ THUYẾT**

+ **Phần III: 6 câu BÀI TẬP**

Lưu ý: Đề phải đảm bảo mức độ 4-3-3.

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: VẬT LÝ; LỚP: 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

STT	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể	Nhận biết: - Liệt kê được các nội dung cơ bản của mô hình động học phân tử - Nêu được sơ lược cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí - Nhận biết được chất rắn kết tinh, chất rắn vô định hình	4TN		
		Thông hiểu: - Phân biệt được cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí. - Phân biệt được chất rắn kết tinh, chất rắn vô định hình. - So sánh được sự bay hơi và sự sôi trong quá trình chuyển thể - Giải thích được cấu trúc của chất rắn, lỏng, khí và sự chuyển thể. - Phân biệt và giải thích được các thể tồn tại trên cùng 1 đồ thị.		3TN	
		Vận dụng: - Giải thích được sơ lược một số hiện tượng vật lý liên quan đến sự chuyển thể: sự nóng chảy, sự hoá hơi. - Vận dụng được kiến thức đã học xác định được các yêu cầu của bài toán đồ thị.			1TN

2	Nội năng, định luật 1 của nhiệt động lực học	Nhận biết: - Định nghĩa được nội năng của vật - Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng tới nội năng của vật. - Nêu được các cách làm thay đổi nội năng của vật. - Nêu được mối liên hệ giữa nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học.	3TN		
		Thông hiểu: - Xác định được dấu của công, nhiệt lượng trong các trường hợp. - Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản. - Thực hiện thí nghiệm, nêu được: mối liên hệ nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học.		2TN	
		Vận dụng: - Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số bài toán nâng cao.			4TN
3	Nhiệt độ. Thang nhiệt độ, nhiệt kế	Nhận biết: - Nêu được sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai vật tiếp xúc nhau có thể cho ta biết chiều truyền năng lượng nhiệt giữa chúng. - Nhiệt độ sôi của nước ở áp suất tiêu chuẩn - Nêu được nhiệt độ không tuyệt đối là nhiệt độ mà tại đó tất cả các chất có động năng chuyển động nhiệt của các phân tử hoặc nguyên tử bằng không và thế năng của chúng là tối thiểu. - Nắm được mỗi độ chia (10C) trong thang Celsius bằng 1/100 của khoảng cách giữa nhiệt độ tan chảy của nước tinh khiết đóng băng và nhiệt độ sôi của nước tinh khiết (ở áp suất tiêu chuẩn), mỗi độ chia (1K) trong thang Kelvin bằng 1/(273,16) của khoảng cách giữa nhiệt độ không tuyệt đối và nhiệt độ điểm mà nước	3TN		

		tinh khiết tồn tại đồng thời ở thể rắn, lỏng và hơi (ở áp suất tiêu chuẩn).			
		Thông hiểu: - Phân tích được sự truyền năng lượng khi hai vật tiếp xúc với nhau, ở cùng nhiệt độ, và khi nhiệt độ chênh lệch. - Nắm được nhiệt độ sôi của một số chất cơ bản. - Xác định được độ chia khoảng trong các thang đo nhiệt độ. - Đọc được dữ liệu trên nhiệt kế. - Chuyển đổi được nhiệt độ đo theo thang Celsius sang nhiệt độ đo theo thang Kelvin và ngược lại.		1TN	
		Vận dụng: - Phân biệt được sự khác nhau giữa nhiệt độ, nhiệt năng, nhiệt lượng.			1TN
4	<i>Nhiệt dung riêng</i>	Nhận biết - Phát biểu được định nghĩa nhiệt dung riêng. - Nêu được đơn vị của nhiệt dung riêng. - Xác định được nhiệt dung riêng liên quan tới quá trình chuyển thể nào. - Nhận biết được hiện tượng liên quan đến nhiệt dung riêng.	2TN		
		Thông hiểu - Tính được nhiệt lượng khi biết nhiệt dung riêng. - So sánh được nhiệt dung riêng của các chất, từ đó xác định được nhiệt lượng cần cung cấp cho các chất. - Giải thích được mối liên hệ giữa nhiệt dung riêng và nhiệt lượng - Rút ra được mối liên hệ giữa nhiệt lượng và các đại lượng trong công thức tính nhiệt lượng.		3TN	

		Vận dụng - Lập luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án đo được nhiệt dung riêng bằng dụng cụ thực hành. - Vận dụng các kiến thức về nhiệt dung riêng để giải các bài toán nâng cao.			2TN
5	<i>Nhiệt nóng chảy riêng</i>	Nhận biết - Nêu được định nghĩa nhiệt nóng chảy riêng. - Nêu được đơn vị của nhiệt nóng chảy riêng. - Nắm được nhiệt độ nóng chảy của 1 số chất cơ bản. - Xác định được nhiệt nóng chảy riêng liên quan tới quá trình chuyển thể nào.	3TN		
		Thông hiểu - Tính được nhiệt lượng khi biết nhiệt nóng chảy riêng. - So sánh được nhiệt nóng chảy riêng của các chất, từ đó xác định được nhiệt lượng cần cung cấp cho các chất. - Giải thích được tại sao nước giãn nở không đồng đều - Phân biệt được quá trình nhận nhiệt chưa chuyển thể và nhận nhiệt để chuyển thể. - Giải thích được mối liên hệ giữa nhiệt nóng chảy riêng và nhiệt lượng		2TN	
		Vận dụng - Lập luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án đo được nhiệt nóng chảy riêng bằng dụng cụ thực hành. - Vận dụng các kiến thức về nhiệt dung riêng để giải các bài toán nâng cao.			2TN
		Nhận biết - Nêu được định nghĩa nhiệt hoá hơi riêng. - Nêu được đơn vị của nhiệt hóa hơi riêng.	1TN		

6	Nhiệt hoá hơi riêng	- Xác định được nhiệt hóa hơi riêng liên quan tới quá trình chuyển thể nào			
		Thông hiểu - Tính được nhiệt lượng khi biết nhiệt hoá hơi riêng. - So sánh được nhiệt hóa hơi riêng của các chất, từ đó xác định được nhiệt lượng cần cung cấp cho các chất. - Giải thích được mối liên hệ giữa nhiệt hóa hơi riêng và nhiệt lượng - Phân biệt được quá trình nhận nhiệt chưa chuyển thể và nhận nhiệt để chuyển thể. - Phân biệt được khối lượng ban đầu, khối lượng còn lại, khối lượng hóa hơi		1TN	
		Vận dụng - Lập luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án đo được nhiệt hoá hơi riêng bằng dụng cụ thực hành. - Vận dụng các kiến thức về nhiệt dung riêng để giải các bài toán nâng cao.			2TN
7	Số lệnh hỏi		16	12	12
8	Tổng điểm		4,0	3,0	3,0

KHUNG MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY
CỦA ĐỀ GIỮA HỌC KỲ I LỚP 12 - NĂM HỌC 2026 - 2027

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 18 câu (4,5 điểm)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 4 câu (4,0 điểm)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi trả lời ngắn):** 6 câu (1,5 điểm)
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**
1. Hay 2. Hay 3. là phần mã hóa năng lực nhận thức.

Chủ đề	SỐ LỆNH HỎI																								
	Nhận thức hóa học											Tìm hiểu TGTN								Vận dụng kiến thức					Tổng
	Biết		Hiểu					Vận dụng				Biết	Hiểu		Vận dụng				Vận dụng						
	1.1	1.2	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.1	2.2	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5		
1. Ester - Lipid	3	1	3																3					10	
2. Xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp	1	1			1				1										1					5	
3. Giới thiệu về carbohydrate	2	1	1	1								1							1					7	
4. Tính chất hóa học của carbohydrate	3	1			2				1			1							2					10	

5. Amine	2	2		1					1			1						1					8	
TPNL	HH1. NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2. TÌM HIỂU TGTN							HH3. VẬN DỤNG KT-KN					
	29											3							8					
	72,5%											7,5%							20%					
Cấp độ	BIẾT											HIỂU							VẬN DỤNG					
	20											9							11					
	50%											22,5%							27,5%					

MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY
CỦA ĐỀ GIỮA HỌC KỲ I LỚP 12 - NĂM HỌC 2026 - 2027

Tỉ lệ dạng thức 4,5:4:1,5

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 18 câu (4,5 điểm) gồm 9 câu Biết (B); 7 câu Hiểu (H); 2 câu vận dụng (VD)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 4 câu (4 điểm) gồm 4 ý B ; 5 ý Hiểu (H) và 3 ý Vận dụng (VD)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi tự luận):** 6 câu (1,5 điểm) gồm 2 câu H và 1 câu VD
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**

(1) I, II, III ... là phần dạng thức trong đề thi (Ví dụ: I.1 là dạng thức I , câu số 1)

(2) HH...là (Mã hoá chỉ báo được đánh giá).

(3) Câu III.1: chỉ ra 4 ý.

CHỦ ĐỀ	Số lệnh hỏi	Yêu cầu cần đạt	THÀNH PHẦN NĂNG LỰC HOÁ HỌC								
			Nhận thức hoá học			Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học			Vận dụng KT, KN đã học		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1. Ester - Lipid	2	Nêu được khái niệm về ester - lipid; chất béo; acid béo;	I.1 HH1.1	II.1a HH1.2							
	2	Viết được công thức cấu tạo và gọi tên một số ester đơn giản – thường gặp	I.2 HH1.3	II.1b HH1.3							
	4	-Tính chất hóa học cơ bản ester và chất béo (thủy phân) – Tính chất vật lí ester - chất béo	I.3 HH1.2 I.4 HH1.1		II.1c HH3.1				III.1 HH3.1		

	1	Phương pháp điều chế ester	II.1d HH1.2								
	1	Bài toán về ester; điều chế ester							III.2 HH3.1		
2. Xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp	1	Khái niệm về xà phòng và chất giặt rửa	I.5 HH1.1								
	3	Đặc điểm cấu tạo xà phòng – chất giặt rửa tổng hợp	I.6 HH1.1	I.7 HH1.4							
	1	Trình bày phương pháp sản xuất xà phòng – chất giặt rửa tổng hợp	I.8 HH1.1								
	1	Bài toán liên quan đến chất béo							III.5 HH3.1		
3. Giới thiệu về carbohydrate	2	Khái niệm – phân loại carbohydrate	I.9 HH1.1	II.2a HH1.2							
	3	CTCT dạng mạch hở; mạch vòng và gọi tên một số carbohydrate	I.10 HH1.1	I.11 HH1.3	II.2b HH1.6						
	2	Trạng thái tự nhiên của carbohydrate	I.12 HH1.3 II.2c HH1.6								
	2	Trình bày tính chất hóa học cơ bản của glucose và fructose	I.13 HH1.1	II.2d HH1.1							

4. Tính chất hóa học của carbohydrate	3	Trình bày tính chất hóa học cơ bản của saccharose - maltose	I.14 HH1.1	II.3a HH1.1 II.3c HH1.1							
	2	Trình bày tính chất hóa học cơ bản của tinh bột - cellulose	I.15 HH1.1	II.3d HH1.1							
	1	Phân biệt các loại carbohydrate	II.3b HH1.1								
	1	Bài toán liên quan thủy phân; lên men tinh bột; tráng bạc;...							III.4 HH3.		
	1	Tính chất hóa học của glucose; fructose; saccharose; tinh bột; cellulose							III.6 HH3.1		
5. Amine	3	Khái niệm - gọi được tên thường một số amine; xác định bậc amine; phân loại amine theo bậc; gốc hydrocarbon	I.16 HH1.1 I.17 HH1.1	II.4a HH1.1							
	5	Trình bày tính chất hóa học đặc trưng của amine: tính chất nhóm NH ₂ như tính base: tác dụng với quỳ tím; HCl; FeCl ₃ ; ...	I.18 HH1.1 II.4c HH1.1	II.4b HH1.1 II.4d HH1.1					III.3 HH3.1		
Tổng	40		20	12	2				6		

Thời gian: 45 phút - Năm học: 2026 – 2027

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình (Hội họa)	Yếu tố và nguyên lí tạo hình. Yếu tố tạo hình. - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, không gian. Nguyên lí tạo hình - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: thiết kế đồ họa (thiết kế tranh Áp Phích) Hoạt động thực hành và thảo luận: - Thực hành: sáng tạo sản phẩm 2D. - Thảo luận: Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề - Văn hoá xã hội.	Nhận biết: - Xác định được nội dung chủ đề Thông hiểu: - Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành sáng tạo. Vận dụng: - Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. - Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập. Vận dụng cao: - Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về sản phẩm. - Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2026

DUYỆT CỦA TCM

Lê Anh Tuấn

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

STT	Nội dung kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu	Điểm số		
		PHẦN I (24 câu TN)			PHẦN II (4 câu TN ĐS)						
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế	4	4	2	1*		1*	12	4.5		
2	Bài 2. Hội nhập kinh tế quốc tế	4		1		1*		6	2.25		
3	Bài 3. Bảo hiểm	4	4	1			1*	10	3.25		
Câu		12	8	4	1*	1*	2*	28			
Điểm		3.0	2.0	1.0	1.0	1.0	2.0	10			

Ghi chú: * là trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu gồm 4 ý.

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Nhận biết - Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.	4 1*		
		Thông hiểu - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.		4	
		Vận dụng - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế			2 1*
	Bài 2. Hội nhập kinh tế quốc tế	Nhận biết - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.	4		
		Thông hiểu - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.		1*	
		Vận dụng - Ủng hộ những hành vi chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. - Phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.			1
	Bài 3. Bảo hiểm	Nhận biết - Nêu được khái niệm bảo hiểm. - Nêu được vai trò của bảo hiểm.	4		
		Thông hiểu - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm.		4	

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
		- Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.			
		Vận dụng - Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.			1 1*
Tổng	Số câu		12 1*	8 1*	4 2*
	Điểm		4.0	3.0	3.0

Ghi chú: * là trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu gồm 4 ý.

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật di chuyển và chuyền bóng
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật di chuyển và chuyền bóng	Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	2	2	2	2	1	2			5		6	25
		Kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng.	2	2	2	2	1	2			5		6	

		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V							1	13		1	13	35
		Thực hành: kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng							1	20		1	20	40
Tổng			4	4	4	4	2	4	2	33	10	2	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		5		75		25	75		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Môn: GDTC Lớp 12 - BÓNG RỔ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật di chuyển và chuyển bóng.	Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V . - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	2 (0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	2(0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyển bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.				1(3,5 đ)
		Thực hành: kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chặn người tranh bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.				1(4,0 đ)
Tổng số câu, điểm				4	4	2	2
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				10	10	5	75

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật đá bóng.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật đá bóng	Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.	2	2	2	2	1	2			5		6	25
		Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng mu giữa bàn chân.	2	2	2	2	1	2			5		6	

		Thực hành: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng mu giữa bàn chân.							1	13		1	13	35
		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng mu giữa bàn chân.							1	20		1	20	40
Tổng			4	4	4	4	2	4	2	33	10	2	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		5		75		25	75		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Môn: GDTC Lớp 12 – BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật đá bóng.	Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng bàn chân.. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	2 (0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng mu giữa bàn chân.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa bàn chân.. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	2(0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi đá bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(3,5 đ)
		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng mu giữa bàn chân.	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi đá bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(4 đ)
Tổng số câu, điểm				4	4	2	2
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				10	10	5	75

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay và trái tay
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TH		
	Chủ đề 1: Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay và trái tay	Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay sát lưới	2	2	2	2	1	2			5		6	25
		Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo trái tay sát lưới	2	2	2	2	1	2			5		6	

		Thực hành 1: Kiểm tra kỹ thuật di chuyển bỏ nhỏ chéo thuận tay qua lưới vào ô quy định							1	13		1	13	35
		Thực hành 2: Kiểm tra kỹ thuật di chuyển bỏ nhỏ chéo trái tay qua lưới vào ô quy định							1	20		1	20	40
Tổng			4	4	4	4	2	4	2	33	10	2	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		5		75		25	75		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Môn: GDTC Lớp 12 – CẦU LÔNG (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay và trái tay	Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay sát lưới	- Nhận biết: + Nhận biết và mô tả đúng tư thế chuẩn bị, góc tiến chéo chân phải (với người thuận tay phải) vươn người lên sát mép lưới. - Thông hiểu: + Giải thích ý nghĩa chiến thuật của kỹ thuật bỏ nhỏ chéo (đổi hướng cầu đột ngột, kéo đối thủ phải di chuyển quãng đường dài nhất từ góc này sang góc kia của sân). - Vận dụng: + Phối hợp di chuyển tiến chéo lên lưới, tạo động tác giả định đẩy cầu thẳng nhưng đột ngột xoay cổ tay cắt cầu chéo sân sát mép lưới hiểm hóc và đập chân hồi vị ngay về trung tâm.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Kỹ thuật bỏ nhỏ chéo trái tay sát lưới	- Nhận biết: + Mô tả được cách cầm vợt trái tay (ngón tay cái tì vào cạnh vát rộng của cán vợt để tạo điểm tựa và điều khiển góc xoay mặt vợt). + Trình bày thao tác miết mặt vợt trái tay từ trái qua phải chéo trước mặt để tạo đường bay chéo sân. - Thông hiểu: + Giải thích vai trò của ngón tay cái và khớp cổ tay trong việc điều tiết lực miết 'cắt' mặt cầu (lực vừa đủ nhẹ và tinh tế để cầu lăn sát mép trên của lưới rồi rơi nhanh). - Vận dụng: + Vận dụng linh hoạt kỹ thuật bỏ nhỏ chéo trái tay để hóa giải những pha gài cầu ngắn hiểm hóc của đối phương, giành thế chủ động tấn công trên lưới.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	1(0,25 đ)	

		Thực hành 1: Kiểm tra kỹ thuật di chuyển bỏ nhỏ chéo thuận tay qua lưới vào ô quy định	- Yêu cầu thực hiện: Học sinh xuất phát từ vị trí trung tâm, giáo viên (hoặc bạn tập) phát/tung cầu ngắn sang góc lưới bên phải. Học sinh di chuyển bước tiến chéo, đón cầu trên cao và thực hiện kỹ thuật bỏ nhỏ chéo thuận tay đưa cầu bay sát mép lưới sang khu vực góc chữ T hoặc góc lưới đối diện. Thực hiện 05 lần.				1(3,5 đ)
		Thực hành 2: Kiểm tra kỹ thuật di chuyển bỏ nhỏ chéo trái tay qua lưới vào ô quy định	- Yêu cầu thực hiện: Học sinh xuất phát từ vị trí trung tâm, giáo viên (hoặc bạn tập) phát/tung cầu ngắn sang góc lưới bên trái. Học sinh di chuyển tiến chéo, đón cầu trên cao và thực hiện kỹ thuật bỏ nhỏ chéo trái tay đưa cầu bay chéo sát lưới sang góc đối diện. Thực hiện 05 lần.				1(4,0 đ)
Tổng số câu, điểm				4	4	2	2
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				10	10	5	75

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề: Kỹ thuật phát bóng thấp thay và cao tay nghiêng mình
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TH		
b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay nghiêng mình	Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình (chuẩn bị, tung bóng, vung tay)	2	2	2	2	1	2			5		6	25
		Kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình (chuẩn bị, tung bóng, xoay thân đánh bóng)	2	2	2	2	1	2			5		6	

		Thực hành 1: Kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình qua lưới vào sân quy định							1	13		1	13	35
		Thực hành 2: Kiểm tra kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình qua lưới vào khu vực mục tiêu							1	20		1	20	40
Tổng			4	4	4	4	2	4	2	33	10	2	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		5		75		25	75		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026 - 2027
Môn: GDTC Lớp 12 - BÓNG CHUYÊN (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay nghiêng mình	Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình (chuẩn bị, tung bóng, vung tay)	- Nhận biết: + Nhận biết và mô tả đúng tư thế chuẩn bị (đứng nghiêng người so với lưới, vai trục vuông góc hoặc chéo so với lưới, hai chân mở rộng hơn vai, gối khuỷu, trọng tâm hạ thấp dồn đều hoặc dồn về chân sau). + Nêu được độ cao và vị trí tung bóng (tung bóng tầm thấp ngang ngực/hông, chéo trước ngực khoảng 30 - 40 cm, bóng không xoáy). + Nhận biết điểm tiếp xúc và bộ phận đánh bóng (bàn tay mở hoặc khum/nắm bàn tay, tiếp xúc vào phần dưới - sau của quả bóng). - Thông hiểu: + Phân tích nguyên lý tạo lực phối hợp: lực đạp chân sau -> xoay hông và thân trên -> vung cánh tay thành đường vòng cung từ sau ra trước tiếp xúc bóng -> chuyển trọng tâm lên chân trước. + Chỉ ra nguyên nhân các lỗi sai thường gặp: đứng trực diện với lưới (mất tác dụng nghiêng mình), tung bóng quá cao hoặc quá xa cơ thể, gập khuỷu tay khi đánh bóng làm bóng bay rúc lưới hoặc ra ngoài sân. - Vận dụng: + Điều chỉnh lực đánh và hướng tiếp xúc bóng để đưa bóng bay qua lưới theo quỹ đạo ổn định, an toàn vào sân đối phương.	2 (0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	

	Kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình (chuẩn bị, tung bóng, xoay thân đánh bóng)	- Nhận biết: + Mô tả được tư thế chuẩn bị và góc đứng so với lưới (đứng vai trái hướng về lưới đối với người thuận tay phải, hai chân rộng hơn vai). + Trình bày quy cách tung bóng (tung bóng bổng cao từ 1,0m - 1,5m trên đầu, hơi chếch về phía trước - phải). + Nhận biết tầm đánh bóng trên cao và điểm tiếp xúc của lòng bàn tay mở (tiếp xúc vào tâm sau của bóng, cổ tay miết gập linh hoạt). - Thông hiểu: + Giải thích vai trò của việc uốn lườn (ngả thân ra sau và sang bên) kết hợp xoay hông - vai và vùng tay lẳng rộng để tạo lực phát bóng cực mạnh và quỹ đạo bay cấm hiểm hóc. + Phân tích các lỗi sai điển hình: tung bóng lệch tầm ra sau đầu hoặc quá thấp, không mở vai lấy đà, đánh bóng khi tay chưa duỗi thẳng làm bóng bay bổng không có lực hoặc rúc lưới; nhận biết luật phạm quy (giảm vạch biên cuối sân trước khi bóng rời tay). - Vận dụng: + Vận dụng kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình tạo đường bóng bay mạnh, tốc độ cao, điểm rơi hiểm hóc vào các vị trí khó phòng thủ của đối phương (vị trí giáp ranh, góc sân cuối sân).	2(0,5 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
	Thực hành 1: Kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình qua lưới vào sân quy định	- Yêu cầu thực hiện: Học sinh đứng ở khu vực phát bóng sau vạch cuối sân, thực hiện 05 quả phát bóng thấp tay nghiêng mình qua lưới (chiều cao lưới chuẩn nam: 2,43m; nữ: 2,24m) vào sân đối phương. - Tiêu chí đánh giá: + Mức Hoàn thành tốt (3,0 - 3,5 điểm): Tư thế chuẩn bị nghiêng mình đúng chuẩn; tung bóng nhịp nhàng, ổn định; phối hợp xoay hông và vùng tay dứt khoát, tay thẳng khi tiếp xúc bóng; phát bóng qua lưới vào sân hợp lệ từ 4 - 5 quả; quỹ đạo bóng bay ổn định. + Mức Hoàn thành (2,0 - 2,5 điểm): Động tác cơ bản đúng, có xoay thân trợ lực; phát bóng qua lưới vào sân				1(3,5 đ)

			hợp lệ 3 quả; đôi lúc điểm tiếp xúc bóng chưa chuẩn. + Mức Chưa hoàn thành (< 2,0 điểm): Sai tư thế nghiêm trọng (không xoay thân, gập tay đánh bóng), vi phạm luật (giẫm vạch); phát bóng qua lưới vào sân hợp lệ dưới 3 quả.				
		Thực hành 2: Kiểm tra kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình qua lưới vào khu vực mục tiêu	- Yêu cầu thực hiện: Học sinh đứng tại khu vực phát bóng, thực hiện 05 quả phát bóng cao tay nghiêng mình qua lưới hướng vào nửa sau sân đối phương (hoặc khu vực đích quy định). - Tiêu chí đánh giá: + Mức Hoàn thành tốt (3,5 - 4,0 điểm): Tung bóng chuẩn tầm; ngửa thân uốn lườn mở rộng biên độ vùng tay; vùng tay đánh bóng ở tầm cao tối ưu, tiếp xúc trúng tâm bóng và miết cổ tay dứt khoát; bóng bay căng, uy lực qua lưới vào sân đối phương hợp lệ từ 4 - 5 quả. + Mức Hoàn thành (2,5 - 3,0 điểm): Thực hiện được chuỗi kỹ thuật tung bóng và xoay thân đánh bóng trên cao; bóng qua lưới vào sân đạt 3 quả; lực đánh tương đối khá. + Mức Chưa hoàn thành (< 2,5 điểm): Tung bóng hỏng liên tục; đánh bóng khi tay co gập; phát bóng rúc lưới hoặc ra ngoài sân nhiều, đạt dưới 3 quả vào sân hợp lệ.				1(4 đ)
Tổng số câu, điểm				4	4	2	2
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				10	10	5	75

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm

Tổ Nghệ thuật. Bộ môn: Âm nhạc

BẢNG ĐẠC TẢ GIỮA HỌC KÌ I

Bộ môn: Âm nhạc 12.

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	- Chủ đề 1: Bài hát: Hành khúc thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Chủ đề 2: Bài hát: Chiều hải cảng	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái, làm chủ hơi thở, tốc độ. - Diễn cảm, thể hiện được tinh thần của tác phẩm qua giọng hát. - Linh hoạt hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
2	Đọc nhạc	- Bài đọc nhạc số 1 giọng Son trưởng	Nhận biết: - Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc -
		- Bài đọc nhạc số 2 giọng Mi thứ	Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc - Nhận biết giọng Son trưởng, Mi thứ; xác định nhịp và các hình nốt đã học.
			Vận dụng: Đọc đúng cao độ, trường độ; giữ nhịp ổn định; kết hợp gõ phách hoặc đánh nhịp.
3	Nhạc cụ	- Nhạc cụ tiết tấu: Các bài thực hành gõ đệm (thanh phách, song loan, tambourine, trống nhỏ, Maracat...) cho Chủ đề 1, 2.	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.
		- Nhạc cụ giai điệu: Bài nhạc cụ số 1 Giọng Son trưởng, nhạc cụ số 2 giọng Mi thứ.	Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.

TTCM

Phí Thị Thu Hiền

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Công nghệ - Lớp 12** – Kỳ kiểm tra giữa học kỳ I

Năm học: 2026-2027

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (24 câu TN)			PHẦN II (4 câu Đúng/Sai)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Đ/S	TN	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KỸ THUẬT ĐIỆN	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về kĩ thuật điện	3 (C1–C3)	1 (C4)	1 (C5)				0	5	1,25
		Bài 2: Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật điện	3 (C6–C8)	1 (C9)	1 (C10)				0	5	1,25
2	Chương II: HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA	Bài 3: Mạch điện xoay chiều ba pha	1 (C11)	1 (C12)	1 (C13)	1 (ĐSC1a)	1 (ĐSC1b)	2 (ĐSC1c,d)	1	3	1,75
		Bài 4: Hệ thống điện quốc gia	1 (C14)	1 (C15)	1 (C16)	1 (ĐSC2a)	1 (ĐSC2b)	2 (ĐSC2c,d)	1	3	1,75
		Bài 5: Sản xuất điện năng	2 (C17, C18)	2 (C19, C20)		1 (ĐSC3a)	1 (ĐSC3b)	2 (ĐSC3c,d)	1	4	2,00
		Bài 6: Mạng điện sản xuất quy mô nhỏ	2 (C21, C22)	2 (C23, C24)		1 (ĐSC4a)	1 (ĐSC4b)	2 (ĐSC4c,d)	1	4	2,00
3	Số câu TN, số ý Đ/S (YCCĐ)		12TN	8TN	4TN	4 ý	4 ý	8 ý	4	24	
4	Điểm quy đổi*		3,0	2,0	1,0	1,0	1,0	2,0	4,0	6,0	10,0
5	Tổng số điểm		6,0 điểm			4,0 điểm			10 điểm		10 điểm

KHUNG BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ (ĐIỆN – ĐIỆN TỬ); LỚP: 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Số câu/ý theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KỸ THUẬT ĐIỆN	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về kỹ thuật điện	Nhận biết: – Nêu khái niệm và các ứng dụng của kĩ thuật điện trong sản xuất, đời sống. Thông hiểu: – Giải thích vai trò và xu hướng phát triển của kĩ thuật điện. Vận dụng: – Liên hệ vai trò của kĩ thuật điện với một lĩnh vực hoặc tình huống thực tế.	3 (C1–C3)	1 (C4)	1 (C5)
		Bài 2: Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật điện	Nhận biết: – Kể tên một số nghề điện và yêu cầu cơ bản đối với người lao động. Thông hiểu: – Mô tả công việc, kiến thức và kĩ năng cần thiết của một số nghề điện. Vận dụng: – Liên hệ sở thích, năng lực bản thân với một nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật điện.	3 (C6–C8)	1 (C9)	1 (C10)
2	Chương II: HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA	Bài 3: Mạch điện xoay chiều ba pha	Nhận biết: – Nêu khái niệm, nguyên lí tạo dòng điện ba pha và cách nối nguồn, tải ba pha. Thông hiểu: – Phân biệt nối hình sao, hình tam giác và các thông số của mạch ba pha đối xứng. Vận dụng: – Tính thông số hiệu dụng của mạch ba pha đối xứng trong bài tập đơn giản.	1 (C11) 1 (ĐSC1a)	1 (C12) 1 (ĐSC1b)	1 (C13) 2 (ĐSC1c,d)
		Bài 4: Hệ thống điện quốc gia	Nhận biết: – Nêu được các thành phần của hệ thống điện quốc gia. Thông hiểu: – Giải thích vai trò nguồn điện, lưới truyền tải, lưới phân phối và tải tiêu thụ. Vận dụng: – Đọc hoặc vẽ sơ đồ đơn giản, xác định vai trò các thành phần của hệ thống điện.	1 (C14) 1 (ĐSC2a)	1 (C15) 1 (ĐSC2b)	1 (C16) 2 (ĐSC2c,d)
		Bài 5: Sản xuất điện năng	Nhận biết: – Nêu năm phương pháp sản xuất điện năng chủ yếu. Thông hiểu: – So sánh ưu điểm, hạn chế của các phương pháp sản xuất điện năng. Vận dụng: – Chọn phương pháp sản xuất điện phù hợp và giải thích lí do.	2 (C17, C18) 1 (ĐSC3a)	2 (C19, C20) 1 (ĐSC3b)	2 (ĐSC3c,d)
		Bài 6: Mạng điện sản xuất quy mô nhỏ	Nhận biết: – Nêu cấu trúc và thiết bị trong mạng điện sản xuất quy mô nhỏ. Thông hiểu: – Mô tả vai trò máy biến áp, các tủ điện và thiết bị bảo vệ. Vận dụng: – Đọc sơ đồ mạng điện và giải thích trình tự đóng, cắt điện.	2 (C21, C22) 1 (ĐSC4a)	2 (C23, C24) 1 (ĐSC4b)	2 (ĐSC4c,d)
Tổng số câu/ý				12TN 4 ý Đ/S	8TN 4 ý Đ/S	4TN 8 ý Đ/S

I. Mục đích yêu cầu:

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 1, bài 2
- Năng lực:** Đánh giá năng lực , nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra.
- Phẩm chất:** Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra:

- Trắc nghiệm 40 câu (10 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L	
1	Bài 1. Bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Tây nam của tổ Quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5
		Đấu tranh bảo vệ biên giới phía bắc của Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5

		năm 1975												
		Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên đảo của tổ Quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	2	2	2	2,5	1	1,5			5		6	25
		Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới Quốc gia Việt Nam	2	2	2	2,5	1	1,5			5		6	
2	Bài 2: Tổ chức Quân đội và Công an nhân dân Việt nam	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam	4	4	3	3,5	1	1,5			8		9	40
		Tổ chức công an nhân dân Việt Nam	4	4	3	3,5	1	1,5			8		9	
Tổng			20	19	14	17	6	9			40		45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			50		35		15				100			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Môn: GDQP- lớp 12 (Trắc nghiệm)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Bài 1. Bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Tây nam của tổ Quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	- Nhận biết: Hiểu được bối cảnh và những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía tây nam của Tổ quốc sau năm 1975 - Thông hiểu: Hiểu được giá trị lịch sử, nét nghệ thuật quâ sự của cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía tây nam của Tổ quốc sau năm 1975 - Vận dụng: Thể hiện lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng liệt sĩ bằng việc tham gia các hoạt động: thăm nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu lịch sử địa phương, giữ gìn di tích chiến tranh.	4 (1 đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
		Đấu tranh bảo vệ biên giới phía bắc của Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	- Nhận biết: Hiểu được bối cảnh và những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía bắc của Tổ quốc sau năm 1975 - Thông hiểu: Hiểu được giá trị lịch sử, nét nghệ thuật quâ sự của cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía bắc của Tổ quốc sau năm 1975 - Vận dụng: Thể hiện lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng liệt sĩ bằng việc tham gia các hoạt động: thăm nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu lịch sử địa phương, giữ gìn di tích chiến tranh.	4 (1 đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
		Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ Quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	- Nhận biết: Hiểu được bối cảnh và những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc sau năm 1975 - Thông hiểu: Hiểu được giá trị lịch sử, nét nghệ thuật quâ sự của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc sau năm 1975 - Vận dụng: Thể hiện lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng liệt sĩ bằng việc tham gia các hoạt động: thăm nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu lịch sử địa phương, giữ gìn di tích chiến tranh.	2 (0,5 đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	
		Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng, bảo vệ chủ quyền	- Nhận biết: Hiểu rõ và trân trọng công lao của quân và dân ta trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc - Thông hiểu: Hiểu được rằng bảo vệ Tổ quốc không chỉ bằng vũ khí mà còn bằng xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt. - Vận dụng: Tích cực học tập, rèn luyện thể chất – đạo đức,	2 (0,5 đ)	2(0,5đ)		

		lãnh thổ và biên giới Quốc gia Việt Nam	chuẩn bị tốt để sẵn sàng góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.			1(0,25 đ)	
2	Chủ đề 2: Tổ chức quân đội nhân dân và công an nhân dân Việt Nam	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam	- Nhận biết: Nhận biết được cơ bản hệ thống tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam - Thông hiểu: Hiểu được nhiệm vụ, chức năng của một số cơ quan chính trong Quân đội nhân dân Việt Nam - Vận dụng: Nhận biết được hệ thống quân hàm, cấp hàm cấp hiệu và màu sắc trang phục của một số quân binh chủng trong Quân đội trong thực tế	4(1 đ)	3(0,75đ)	1(0,25 đ)	
		Tổ chức công an nhân dân Việt Nam	- Nhận biết: Nhận biết được cơ bản hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam - Thông hiểu: Hiểu được nhiệm vụ, chức năng của một số cơ quan chính trong Công an nhân dân Việt Nam - Vận dụng: Nhận biết được hệ thống quân hàm, cấp hàm cấp hiệu và màu sắc trang phục của một số lực lượng của công an nhân dân Việt Nam trong thực tế	4(1 đ)	3(0,75đ)	1(0,25 đ)	
Tổng số câu, điểm				20 5 đ	14 3,5	6 1,5 đ	
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				50%	35%	15%	

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2026 - 2027

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN **SINH HỌC - LỚP 12**

1. Thời gian làm bài: 45 phút

2. Hình thức kiểm tra: *Trắc nghiệm và tự luận.*

3. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 22 câu. Trong đó:

+ Phần I: (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm

+ Phần II: (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ Phần III: (Dạng trả lời ngắn = TLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.

4. Bảng ma trận sau:

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Tự luận (TLN)		
			Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)
1	Bài 1: DNA và cơ chế tái bản DNA	- Dựa vào cấu trúc hóa học của phân tử DNA, trình bày được chức năng của DNA. - Nêu được ý nghĩa của các cặp base bổ sung đặc hiệu A-T và G-C. - Phân tích được cơ chế tái bản của DNA là một quá trình tự sao thông tin di truyền từ tế bào mẹ sang tế bào con hay từ thế hệ này sang thế hệ sau.	4NT1	1TH1→2	1NT6→8	1NT1	1NT2→5	1TH3→5 1VD2		1NT2→5	1VD2
2	Bài 2: Gene, quá trình truyền đạt thông tin di truyền và hệ gene	- Nêu được khái niệm và cấu trúc của gene. Phân biệt được các loại gene dựa vào cấu trúc và chức năng của gene. - Phân biệt được các loại RNA. Phân tích được bản chất phiên mã thông tin di truyền là cơ chế tổng hợp RNA dựa trên DNA.	3NT1	1TH1→2	1TH3→5	1NT1	1NT2→5	1NT6→8 1TH3→5		1NT2→5	1TH3→5

		- Nêu được khái niệm phiên mã ngược và ý nghĩa. - Nêu được khái niệm và các đặc điểm của mã di truyền. - Trình bày được cơ chế tổng hợp protein từ bản sao là RNA có bản chất là quá trình dịch mã. - Vẽ và giải thích được sơ đồ liên kết ba quá trình thể hiện cơ chế di truyền ở cấp phân tử là quá trình truyền đạt thông tin di truyền. - Phát biểu được khái niệm hệ gene. - Trình bày được một số thành tựu và ứng dụng của việc giải trình tự hệ gene người.									
3	Bài 3: Điều hoà biểu hiện gene	- Trình bày được thí nghiệm trên operon Lac của E. coli. - Phân tích được ý nghĩa của điều hoà biểu hiện gene trong tế bào và trong quá trình phát triển cá thể. - Nêu được ứng dụng của điều hoà biểu hiện gene.	2NT1	1TH1→2		2NT1	2TH1→2				
4	Bài 4: Đột biến gene	- Nêu được khái niệm đột biến gene. - Phân biệt được các dạng đột biến gene.	2NT1	1TH1→2			2TH1→2	1TH3→5 1VD2			1VD2

		- Phân tích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh đột biến gene. - Trình bày được vai trò của đột biến gene trong tiến hoá, chọn giống và nghiên cứu di truyền.									
5	Bài 5: Công nghệ di truyền	- Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu của công nghệ DNA tái tổ hợp. - Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu tạo thực vật và động vật biến đổi gene. - Tranh luận, phản biện được về việc sản xuất và sử dụng sản phẩm biến đổi gene và đạo đức sinh học.	1NT1								
Tổng số câu			12	4	2	1	1,5	1,5	0	2	4
Tổng số điểm			(I): 3,0 đ	(II): 1,0 đ	(III): 0,5 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 1,5 đ	(VI): 1,5 đ	(VII): 0,0 đ	(VIII): 0,5 đ	(IX): 1,0 đ
Tổng số câu/điểm từng định dạng			18 câu / 4.5 điểm			4 câu/ 4.0 điểm			6 câu/ 1.5 điểm		
Tổng từng mức độ nhận thức:			Nhận biết: I(3)+IV(1)+VII(0) = 4,0 đ			Thông hiểu: II(1)+V(1,5)+VIII(0,5) = 3,0 đ			Vận dụng: III(0,5)+VI(1,5)+IX(1) = 3,0 đ		

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM**Năm học: 2026 - 2027****BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1****MÔN: SINH HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	TLN
1	Bài 1: DNA và cơ chế tái bản DNA	- Dựa vào cấu trúc hóa học của phân tử DNA, trình bày được chức năng của DNA. - Nêu được ý nghĩa của các cặp base bổ sung đặc hiệu A-T và G-C. - Phân tích được cơ chế tái bản của DNA là một quá trình tự sao thông tin di truyền từ tế bào mẹ sang tế bào con hay từ thế hệ này sang thế hệ sau.	4NT1 1TH1→2 1NT6→8	1NT1 1NT2→5 1TH3→5 1VD2	1NT2→5 1VD2
2	Bài 2: Gene, quá trình truyền đạt thông tin di truyền và hệ gene	- Nêu được khái niệm và cấu trúc của gene. Phân biệt được các loại gene dựa vào cấu trúc và chức năng của gene. - Phân biệt được các loại RNA. Phân tích được bản chất phiên mã thông tin di truyền là cơ chế tổng hợp RNA dựa trên DNA. - Nêu được khái niệm phiên mã ngược và ý nghĩa. - Nêu được khái niệm và các đặc điểm của mã di truyền. - Trình bày được cơ chế tổng hợp protein từ bản sao là RNA có bản chất là quá trình dịch mã. - Vẽ và giải thích được sơ đồ liên kết ba quá trình thể hiện cơ chế di truyền ở cấp phân tử là quá trình truyền đạt thông tin di truyền. - Phát biểu được khái niệm hệ gene.	3NT1 1TH1→2 1TH3→5	1NT1 1NT2→5 1NT6→8 1TH3→5	1NT2→5 1TH3→5

		- Trình bày được một số thành tựu và ứng dụng của việc giải trình tự hệ gene người.			
3	Bài 3: Điều hoà biểu hiện gene	- Trình bày được thí nghiệm trên operon Lac của E. coli. - Phân tích được ý nghĩa của điều hòa biểu hiện gene trong tế bào và trong quá trình phát triển cá thể. - Nêu được ứng dụng của điều hòa biểu hiện gene.	2NT1 1TH1→2	2NT1 2TH1→2	1TH3→5
4	Bài 4: Đột biến gene	- Nêu được khái niệm đột biến gene. - Phân biệt được các dạng đột biến gene. - Phân tích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh đột biến gene. - Trình bày được vai trò của đột biến gene trong tiến hoá, chọn giống và nghiên cứu di truyền.	2NT1 1TH1→2	2NT1 2TH1→2	1VD2
5	Bài 5: Công nghệ di truyền	- Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu của công nghệ DNA tái tổ hợp. - Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu tạo thực vật và động vật biến đổi gene. - Tranh luận, phán biện được về việc sản xuất và sử dụng sản phẩm biến đổi gene và đạo đức sinh học.	1NT1		
		Tổng câu	18	4	6

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			"Đúng - Sai"			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu		Vận dụng
1	Chủ đề 3. Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên	- Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên. - Các miền địa lí tự nhiên. - Ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng thiên nhiên đến phát triển KT-XH	8		2		2			2				8	2	2	50%	
2	Chủ đề 5. Dân số Việt Nam	- Đặc điểm dân số. - Thế mạnh và hạn chế của dân số. - Chiến lược dân số	8				1	1			4				8	1	4	50%
Tổng số câu			18			04			06									28
Tổng số điểm			4,5			4,0			1,5						4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			45%			40%			15%						40%	30 %	30 %	100%

TTCM

NGUYỄN THỊ ĐỨC

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
				TNKQ									Tự luận						
				Nhiều lựa chọn			"Đúng - Sai"			Trả lời ngắn									
				Biết	Hiể u	Vận dụng	Biế t	Hiể u	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biế t	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 3. Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên	- Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên. - Các miền địa lí tự nhiên. - Ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng thiên nhiên đến phát triển KT- XH	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Thông hiểu – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. – Trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.	8		2		2			2				8	2	2	50%	

2	Chủ đề 5. Dân số Việt Nam	- Đặc điểm dân số. - Thế mạnh và hạn chế của dân số. - Chiến lược dân số	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm dân số nước ta. Thông hiểu - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số. - Liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.	8				1	1			4				8	1	4	50%
Tổng số câu				18		04		06								28			
Tổng số điểm				4,5		4,0		1,5					4,0		3,0	3,0	10,0		
Tỉ lệ %				45%		40%		15%					40%		30 %	30 %	100 %		

TTCM

NGUYỄN THỊ ĐỨC

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Giữa HK1

Khối 12 – ICT

I. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng-Sai									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	1. Làm quen với trí tuệ nhân tạo	2 (1,2)	1 (3)	1 (4)							2	1	1	10% 1,0
		2. Trí tuệ nhân tạo trong khoa học và đời sống	2 (5,6)	1 (7)	1 (8)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				4	2	2	20% 2,0
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	3. Một số thiết bị mạng thông dụng	1 (9)	1 (10)	1 (11)							1	1	1	7,5% 0,75
		4. Giao thức mạng	1 (12)	1 (13)	1 (14)							1	1	1	7,5% 0,75

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng-Sai									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
		5. Thực hành chia sẻ tài nguyên mạng	1 (15)	1 (16)								1	1		5% 0,5
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	6. Giao tiếp và ứng xử trong không gian mạng	2 (17,18)	1 (19)	1 (20)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)				4	2	2	20% 2,0
4	Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	7. HTML và cấu trúc trang web	2 (21,22)	1 (23)	1 (24)							2	1	1	10% 1,0
		8. Định dạng văn bản cơ bản	2 (25,26)	1 (27)	1 (28)	2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)				4	2	2	20% 2,0
Tổng số câu và ý			13 câu	8 câu	7 câu	6 ý	3 ý	3 ý				19	11	10	
Tổng số điểm			3,75	2,0	1,75	1,5	0,75	0,75				4,75	2,75	2,5	
Tỉ lệ %			70%			30%						47,5%	27,5%	25%	

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	1. Làm quen với trí tuệ nhân tạo	Nhận biết - Nêu được khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI) và các loại hình AI cơ bản (ví dụ: AI hẹp, AI tổng quát). - Liệt kê được các ví dụ ứng dụng AI (ví dụ: trợ lý ảo, xe tự lái, nhận diện khuôn mặt) - Nhận biết các thành phần / yếu tố liên quan đến AI (dữ liệu, thuật toán, máy học,...) Thông hiểu - Giải thích được một số đặc trưng cơ bản của AI (khả năng học, khả năng suy luận). - Giải thích được cách AI “học” từ dữ liệu - Mô tả mối quan hệ giữa AI và dữ liệu/ thuật toán - Phân biệt AI với máy tính thông thường / hệ thống tự động khác Vận dụng - Đưa ra ví dụ thực tế trong cuộc sống & phân tích: “AI đã được dùng như thế nào trong ứng dụng X”. - Đánh giá điểm mạnh / hạn chế khi ứng dụng AI trong một lĩnh vực cụ thể. - Phân tích được cách AI có thể tối ưu hóa một quy trình làm việc/học tập cụ thể của bản thân.	2 MC (B) (NLc) 1 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
		2. Trí tuệ nhân tạo trong khoa học và đời sống	Nhận biết – Liệt kê các lĩnh vực ứng dụng AI (y tế, giao thông, nông nghiệp, tài chính,...). – Nhớ được các ví dụ cụ thể trong đời sống và khoa học. – Nhận biết lợi ích và thách thức khi áp dụng AI. Thông hiểu – Giải thích cách AI hỗ trợ trong từng lĩnh vực (ví dụ: chẩn đoán bệnh, dự báo thời tiết, kiểm soát giao thông). – Phân tích được ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của AI đối với xã hội (việc làm, đạo đức, quyền riêng tư). – Đánh giá được tính hiệu quả và tiện ích của một ứng dụng AI đối với người dùng (ví dụ: trợ lý ảo, hệ thống gợi ý sản phẩm). – So sánh ứng dụng AI giữa các lĩnh vực. Vận dụng – Đánh giá được tiềm năng phát triển và rủi ro của một ứng dụng AI cụ thể. (ví dụ: nếu dùng AI trong lĩnh vực Y, cần lưu ý gì?) – Đề xuất cách tích hợp một công cụ AI có sẵn vào công việc nhóm hoặc dự án (ví dụ: sử dụng AI tạo nội dung, AI phân tích dữ liệu). – Trình bày ý tưởng dự án nhỏ: “Ứng dụng AI giúp ...” và khảo sát khả năng thực hiện.	2 MC (B) (NLc) 1 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)	1 YN (B,B,H,V) (NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	3. Một số thiết bị mạng thông dụng	Nhận biết - Nhận biết và mô tả được chức năng của các thiết bị mạng cần thiết để thiết lập mạng gia đình/văn phòng nhỏ (hub, switch, router, modem, repeater, điểm truy cập (access point)). - Nhận biết các thành phần vật lý (cổng, dây cáp, anten). Thông hiểu - Giải thích cách hoạt động của mỗi thiết bị mạng (ví dụ: router định tuyến gói tin, switch chuyển mạch). - Phân biệt các thiết bị (ví dụ: router vs switch, hub vs switch). - Mô tả vai trò các thiết bị trong mạng LAN / Internet. Vận dụng - Cấu hình được mạng Wi-Fi cơ bản và thay đổi các tham số bảo mật để bảo vệ mạng gia đình. - Thiết kế được sơ đồ kết nối mạng đơn giản cho một văn phòng nhỏ, sử dụng các thiết bị đã học.	1 MC (B) (NLa) 1 MC (H) (NLa) 1 MC (V) (NLa)			
		4. Giao thức mạng	Nhận biết - Nêu được khái niệm Giao thức mạng và vai trò của nó trong việc kết nối thiết bị. - Liệt kê các giao thức phổ biến: IP, TCP, UDP, HTTP, FTP, SMTP, DNS. - Nhớ chức năng cơ bản của từng giao thức.	1 MC (B) (NLa) 1 MC (H) (NLa) 1 MC (V) (NLa)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
			- Nhận biết khái niệm như “địa chỉ IP”, “cổng (port)”, “máy chủ – máy khách”. Thông hiểu - Giải thích được nguyên tắc hoạt động của một số giao thức cơ bản (ví dụ: TCP/IP, HTTP). - Thực hành kiểm tra địa chỉ IP, trạng thái kết nối mạng bằng các lệnh đơn giản (ping, ipconfig) để khắc phục sự cố kết nối. - So sánh ưu – nhược điểm giữa TCP và UDP Vận dụng - Vận dụng kiến thức về giao thức để mô tả cách dữ liệu được truyền từ máy tính của mình đến một máy chủ. - Áp dụng kiến thức về giao thức để phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp cho một lỗi mạng thường gặp. - Cho ví dụ cụ thể: nếu gửi email, giao thức nào được dùng, dữ liệu đi qua các tầng nào? - Thiết kế kịch bản truy cập web / truyền file và mô tả luồng giao thức tham gia.				
		5. Thực hành chia sẻ tài nguyên mạng	Nhận biết - Nhớ các khái niệm: chia sẻ file, chia sẻ máy in, thư mục chia sẻ, quyền truy cập. - Liệt kê các bước cơ bản để chia sẻ tài nguyên trong mạng. - Nhận biết các rủi ro / bảo mật cần lưu ý khi chia sẻ tài nguyên.	1 MC (B) (NLa) 1 MC (H) (NLa)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
			- Nêu được mục đích của việc chia sẻ tệp và máy in trong môi trường làm việc nhóm. Thông hiểu - Giải thích cách thiết lập quyền truy cập: đọc / ghi / chia sẻ - Mô tả quá trình khi một máy khách truy cập tài nguyên được chia sẻ (qua mạng). - Phân tích các biện pháp bảo mật khi chia sẻ (mật khẩu, hạn chế quyền, tường lửa) Vận dụng - Thực hiện thành thạo các thao tác chia sẻ tệp/thư mục trên hệ điều hành và thiết lập quyền truy cập cho người dùng khác. - Thiết lập một giải pháp làm việc nhóm hiệu quả bằng cách kết hợp chia sẻ tài nguyên và sử dụng các dịch vụ lưu trữ đám mây. - Thiết lập được các quyền truy cập (đọc/ghi) phù hợp khi chia sẻ tài nguyên để đảm bảo an toàn và bảo mật (Thiết kế mạng nhỏ, đưa ra phương án chia sẻ tài nguyên an toàn giữa các máy).				
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá	6. Giao tiếp và ứng xử trong không gian mạng	Nhận biết Nhớ các khái niệm: quyền riêng tư, bản quyền, an toàn thông tin, hành vi mạng, netiquette (ứng xử mạng).	2 MC (B) (NLb) 1 MC (H)	1 YN (B,B,H,V) (NLa)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
	trong môi trường số		- Xác định được các quy tắc cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội. - Nêu được các quy tắc cơ bản về đạo đức và văn hóa khi giao tiếp trên mạng. Thông hiểu - Giải thích ảnh hưởng của hành vi không đúng trong mạng (tác động cá nhân, xã hội). - Phân tích các tình huống giả định: “nên làm gì nếu bị tấn công mạng?”. - So sánh quyền và trách nhiệm người dùng khi giao tiếp trên mạng. - Xác định được các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức trên không gian mạng (spam, troll, bạo lực mạng, phát tán tin giả,...). Vận dụng - Vận dụng các nguyên tắc ứng xử văn minh để phản hồi và xử lý các tình huống tiêu cực (ví dụ: tin giả, bạo lực mạng) một cách hiệu quả và an toàn. - Xây dựng được quy tắc ứng xử cho bản thân hoặc nhóm khi tham gia một cộng đồng mạng cụ thể.	(NLb) 1 MC (V) (NLb)			
4	Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với	7. HTML và cấu trúc trang web	Nhận biết Nêu được khái niệm và chức năng của HTML.	2 MC (B) (NLc)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
	sự trợ giúp của máy tính		– Liệt kê được các phần tử/thẻ HTML (thẻ đơn, thẻ đôi, thuộc tính). – Nhận biết được các thành phần chính trong cấu trúc HTML: <!DOCTYPE html>, <html>, <head>, <body> – Nhận biết phần mềm soạn thảo HTML đơn giản (Notepad, Notepad++, Sublime Text, ...). Thông hiểu – Giải thích được vai trò của HTML trong việc cấu trúc trang web. – Mô tả cấu trúc bố cục của một tệp HTML (cách lồng các phần tử, thứ tự phần tử). – Phân tích ví dụ mã HTML đơn giản, xác định phần tử cha – con. – Giải thích tại sao cần khai báo <!DOCTYPE html> và vai trò của các thẻ <head> và <body>. Vận dụng – Viết được tệp HTML đơn giản có cấu trúc cơ bản, gồm phần khai báo, phần head và body. – Trong một ví dụ cụ thể, tổ chức các thẻ HTML lồng nhau đúng để biểu diễn nội dung (tiêu đề, đoạn văn, hình ảnh, liên kết, nếu có).	1 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
			- Kiểm tra và sửa lỗi lồng thẻ / thuộc tính sai trong mã HTML. - Soạn mã HTML nhỏ minh họa một trang web cá nhân hoặc trang giới thiệu lớp / trường.				
		8. Định dạng văn bản cơ bản	Nhận biết - Nhận biết và trình bày được các thẻ HTML định dạng văn bản: <h1>...<h6>, <p>, <div>, ,
, <hr> - Nhận biết và trình bày được các thẻ định dạng chữ: , , , <i> - Nhận biết thuộc tính thẻ (attributes) nói chung và style nói riêng. - Liệt kê các kiểu định dạng mà style có thể điều chỉnh: màu sắc, phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ. Thông hiểu - Giải thích cách sử dụng các thẻ định dạng để trình bày văn bản (tiêu đề, đoạn, khối, inline). - Mô tả cách sử dụng thuộc tính style để định dạng văn bản (ví dụ: style="color:red; font-size:16px;"). - Phân tích đoạn mã HTML định dạng văn bản để xác định thẻ nào đảm nhiệm việc gì. - So sánh việc sử dụng thẻ định dạng như so với dùng style="font-weight:bold;".	2 MC (B) (NLc) 1 MC (H) (NLc) 1 MC (V) (NLc)	1 YN (B,B,H,V) (NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				Một chọn (4-1)	Đúng-Sai (4-4)	Trả lời ngắn	
			Vận dụng – Viết mã HTML để tạo một đoạn văn có tiêu đề, có các đoạn, trong đó các chữ được định dạng (in đậm, nghiêng, màu, kích thước) sử dụng các thẻ và style. – Cho mã HTML không hoàn chỉnh, học sinh bổ sung các thuộc tính style hoặc sửa thẻ định dạng để đáp ứng yêu cầu định dạng. – Đánh giá và chỉnh sửa mã HTML của bạn / bạn khác để đảm bảo tuân quy tắc lồng thẻ đúng, thuộc tính hợp lý.				
Tổng				13 lệnh B 8 lệnh H 7 lệnh V	6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh V		
Tỉ lệ %				19 B = 47,5%, 11 H = 27,5%, 10 VD = 25%			
Tỉ lệ chung				B + H = 70%		VD = 30%	

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

	và chiến tranh giải phóng												
Tổng			11	1		5	1		5	2		100%	100%
Tỉ lệ % (điểm)			40%			30%			30%			100%	100%

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần KT			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	1. Liên hợp quốc	Nhận biết – Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. - Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc. – Biết cách sưu tầm tài liệu để tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của Liên hợp quốc	8 TN			
			Thông hiểu - Phân tích được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. – Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế thông qua ví dụ cụ thể.		4 TN		
			Vận dụng – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. – Biết cách sử dụng tài liệu để tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của Liên hợp quốc. – Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo				

			quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác.				
			Vận dụng cao - Nêu được nhận xét về vai trò của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc ở Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được nhận xét về đóng góp của Việt Nam đối với các hoạt động của Liên hợp quốc. Tự hào về vai trò và đóng góp của Việt Nam và có ý thức sẵn sàng đóng góp sự nghiệp chung của Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế.				
		2. Trật Tự thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	Nhận biết – Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Trình bày được những nét chính của Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Trình bày được khái niệm đa cực.				

			Thông hiểu – Phân tích được sự hình thành Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Giải thích được vì sao các quốc gia phải điều chỉnh chiến lược phát triển sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. – Giải thích được vì sao thế giới hướng tới xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.		1TL		
			Vận dụng – Phân tích được hệ quả và tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Yalta đối với tình hình thế giới. – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Phân tích được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.				
			Vận dụng cao Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để hiểu và giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.				
2	ASEAN những chặng đường lịch sử	1. Hiệp hội các quốc gia ĐNA	Nhận biết – Biết cách sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay) trên đường thời gian. – Chỉ ra được những nguyên tắc cơ bản của ASEAN.				

			Thông hiểu – Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. – Giải thích được phương thức ASEAN (ASEAN Way) là cách tiếp cận riêng của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực và duy trì quan hệ giữa các nước thành viên. – Trình bày được cơ cấu tổ chức của ASEAN thông qua sơ đồ.			1TL	
			Vận dụng - Biết cách sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Phân tích được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.				
			Vận dụng cao - Đóng góp của Việt Nam với ASEAN...				
		2. Cộng đồng ASEAN	Nhận biết - Biết cách sưu tầm tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.				
			Thông hiểu - Phân tích được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC).				

			Vận dụng - Biết cách sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. – Nêu được nhận xét về thuận lợi, khó khăn của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.				
			Vận dụng cao - Nhận định đánh giá về vai trò của các trụ cột của ASEAN				
3	Cách mạng tháng 8/ 1945 và chiến tranh	1. Cách mạng tháng 8/ 1945	Nhận biết – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Thông hiểu – Phân tích được vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tiến trình lịch sử Việt Nam.				
Số câu/ loại câu				8TN 1Đ-S	5TN 1Đ-S	5TN 1Đ-S	
Tỉ lệ %				40.%	25.5%	25.5%	
Tổng hợp chung				40.%	25.5%	25.5%	

SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGŨ VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2026 – 2027

MÔN NGỮ VĂN 12

Thời gian : 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- 1. Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kỹ năng về nội dung kiến thức đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 12: kiến thức tiếng Việt, Làm văn, Văn học.
- 2. Kỹ năng:** Đọc hiểu văn bản, cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- 3. Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- 4. Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kỹ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tạo lập văn bản, năng lực cảm thụ thẩm mỹ, ...

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG

- 1. Kiến thức phần Đọc - hiểu:** Đọc - hiểu văn bản tiểu thuyết hiện đại.
- 2. Kiến thức phần Viết :**Viết bài nghị luận phân tích nhân vật trong tác phẩm tiểu thuyết hiện đại.

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- 1. Hình thức:** Tự luận 100%
- 2. Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

STT	Kĩ năng	Nội dung Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Văn bản tiểu thuyết hiện đại.	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Bài văn (600 chữ) phân tích nhân vật trong tiểu thuyết hiện đại.	0	1	0	1	0	2	0	1	40
Tổng			0	30	0	30	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI	<u>Nhận biết:</u> (2 câu) Nhận biết ngôi kể, các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản.	2			

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	(Văn bản trong chương trình)	<u>Thông hiểu (2 câu)</u> - Hiểu và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề văn bản. - Phân tích, đánh giá vai trò của chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản - Phân tích, đánh giá được cốt truyện, tình huống trong tiểu thuyết hiện đại.		2		
		<u>Vận dụng (1 câu)</u> Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc.			1	
			Số điểm: 1,5	Số điểm: 3,0	Số điểm: 1,5	Số điểm: 0,0
Tổng	6,0					
II. VIẾT	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận theo kiểu bài.				
		Thông hiểu - Viết được bài văn nghị luận phân tích nhân vật trong tiểu thuyết hiện đại. + Vận dụng các kỹ năng tạo lập đoạn văn, bài văn để viết bài văn nghị luận theo yêu cầu.				

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		+ Vận dụng kiến thức để phân tích và đánh giá đặc điểm, vai trò của nhân vật trong tác phẩm - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt				
		Vận dụng - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hóa, phong cách tác giả được thể hiện trong tác phẩm. -Đánh giá được nét độc đáo về nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật thể hiện qua cách nhìn cách cảm nhận riêng của nhà văn về con người, cuộc sống. -Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của đoạn trích/ tác phẩm.				
		Vận dụng cao - Bài viết có các ý liên kết chặt chẽ với nhau . - Khả năng lý giải vấn đề sâu sắc. -Viết sáng tạo, nhiều cảm xúc, có phong cách riêng và biết liên hệ thực tiễn tốt.				
Tổng	6,0		<i>Số điểm</i> 1,0	<i>Số điểm</i> 2,0	<i>Số điểm</i> 0,5	<i>Số điểm</i> 0,5
I + II	10,0		2,5	5,0	2,0	0,5

**TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ**

**KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1
Môn: Tiếng Anh 12
Năm học 2026-2027**

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	- Đọc – Hoàn thành quảng cáo, tờ rơi ...	7		5						12	
2	- Đọc – Hoàn thành văn bản	2				3				5	
3	- Viết – sắp xếp câu thành văn bản hoàn chỉnh					3				3	
4	- Nói – sắp xếp lượt nói thành cuộc đàm thoại có nghĩa	1				1				2	
5	- Đọc hiểu – Trả lời câu hỏi	6		7		5				18	
TỔNG		16	0	12	0	12	0	0	0	40	0
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		0 %		100 %	0 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA HKI MÔN TIẾNG ANH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nói	Tổ chức hội thoại	Biết - Sắp xếp các lượt lời đơn giản để tạo thành một đoạn hội thoại ngắn, mạch lạc về chủ đề quen thuộc	1		1	

			+ <i>Unit 1</i> Vận dụng - Áp dụng kiến thức về cấu trúc và các quy tắc tương tác trong hội thoại để phân tích chức năng giao tiếp của các lượt lời cho sẵn. Từ đó, sắp xếp chúng theo một trình tự logic để xây dựng lại một đoạn hội thoại hoàn chỉnh, tự nhiên và mạch lạc. + <i>Unit 2</i>				
2	Đọc	Tổ chức văn bản	Vận dụng - Phân tích mối liên kết về logic và ngôn ngữ giữa các câu để xây dựng chúng thành một đoạn văn/văn bản ngắn hoàn chỉnh, mạch lạc. + <i>Unit 1</i> + <i>Unit 2</i>			3	
		Điền khuyết: <i>thông báo/</i> <i>quảng cáo/</i> <i>tờ rơi ...</i> (2 texts)	Biết - Tái hiện và nhận diện được các kiến thức ngữ pháp cơ bản hoặc các cụm từ/giới từ cố định, quen thuộc để hoàn thành đoạn văn bản. + <i>Trật tự từ (Word Order / Adjective Order)</i> + <i>Giới từ (Prepositions)</i> + <i>Liên từ (Conjunctions)</i> + <i>Lượng từ / Đại từ (Quantifiers / Pronouns)</i> + <i>Cụm từ cố định (Collocations / Idioms)</i> + <i>Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ / Câu điều kiện loại 1 (Subject-Verb Agreement / Conditional Sentences Type 1)</i> + <i>Mệnh đề quan hệ rút gọn (Reduced Relative Clauses)</i> + <i>Cụm động từ (Phrasal Verbs)</i> + <i>Từ loại (Parts of Speech / Word Formation)</i> + <i>Từ vựng (Vocabulary)</i> Hiểu - Dựa vào việc diễn giải ngữ cảnh của câu và đoạn văn để phân biệt và lựa chọn được dạng từ, cấu trúc ngữ pháp, hoặc từ vựng phù hợp nhất về mặt ngữ nghĩa.	7	5 - 3 từ vựng - 1 cụm từ cố định - 1 cụm idiom		

			+ Từ vựng liên quan đến chủ điểm hoặc được lấy từ các nội dung thuộc Unit 1,1				
		Điền khuyết: văn bản liên quan đến các chủ điểm đã học (1 text)	Biết - Nhận diện được các mối liên kết đơn giản, trực tiếp về mặt ngữ pháp (ví dụ: cấu trúc mệnh đề quan hệ), cú pháp hoặc từ vựng (ví dụ: từ nối chỉ trình tự) để lựa chọn cụm/câu/mệnh đề phù hợp điền vào chỗ trống. Vận dụng - Phân tích cấu trúc và mạch logic của đoạn văn. Áp dụng kỹ năng suy luận để xác định chức năng của câu còn thiếu (ví dụ: câu chủ đề, câu chuyển ý, câu chi tiết hóa) và mối liên hệ của nó với các câu xung quanh. Từ đó, lựa chọn phương án đảm bảo tính mạch lạc và thống nhất cho văn bản.	2		3	
		Đọc hiểu: văn bản mang tính thời sự hoặc liên quan đến các chủ điểm đã học (2 texts)	Biết - Sử dụng từ khóa (keywords) trong câu hỏi để định vị (locate) và xác định (identify) thông tin chi tiết được nêu rõ ràng, trực tiếp trong bài đọc. (<i>detail in a specific question</i>) - Xác định được danh từ hoặc cụm danh từ mà một đại từ hoặc từ chỉ định cho trước trong bài đọc đang thay thế hoặc đề cập đến. (<i>pronoun reference question</i>) - Đọc một thông tin chi tiết cho trước và xác định được đúng đoạn văn trong bài đọc có chứa thông tin đó. (<i>paragraph reference question</i>) Hiểu - Đọc và diễn giải ngữ cảnh xung quanh một từ/cụm từ cho trước trong bài đọc. Từ đó, suy luận ra ý nghĩa của từ/cụm từ đó và xác định được phương án có nghĩa gần nhất (đồng nghĩa) hoặc trái ngược nhất (trái nghĩa) (<i>vocabulary in context</i>) - Diễn giải và so sánh thông tin từ một hoặc nhiều câu trong bài đọc để xác định tính đúng/sai của một phát biểu, hoặc để trả lời một câu hỏi chi tiết mà thông tin trả lời đã được diễn đạt lại (paraphrased) trong văn bản. (<i>detail in a specific question + True/ False question</i>)	6 - 2 chi tiết - 2 đề cập - 2 chi tiết tìm đoạn văn	7 - 1 chi tiết T/F - 2 đồng nghĩa - 2 trái nghĩa - 2 diễn đạt khác	5 - 1 chi tiết T/F - 2 tóm tắt - 1 đặt câu vào văn bản - 1 ngụ ý	

		- Phân tích và hiểu sâu sắc ý nghĩa của một câu gốc được trích từ bài đọc. Từ đó, xác định được câu trong các phương án lựa chọn có cách diễn đạt khác nhưng truyền tải đúng và đầy đủ nhất ý nghĩa của câu gốc. (<i>paraphrasing question</i>) Vận dụng - Phân tích cấu trúc và mạch logic của một đoạn văn. Từ đó, xác định vị trí phù hợp nhất để chèn một câu cho sẵn vào đoạn văn đó, dựa trên các mối liên kết về ý tưởng, từ vựng (ví dụ: đại từ tham chiếu) và các từ nối để đảm bảo tính mạch lạc và thống nhất. (<i>sentence placement question</i>) - Tổng hợp và liên kết thông tin từ nhiều câu hoặc nhiều đoạn khác nhau trong văn bản để đánh giá tính đúng/sai của một phát biểu. Phát biểu này không được nêu trực tiếp mà là một sự suy luận hoặc tổng hợp từ các chi tiết trong bài. (<i>True/ False question</i>) - Phân biệt được ý chính và các chi tiết phụ trong một đoạn văn hoặc toàn bộ bài đọc. Từ đó, tổng hợp thông tin để xác định được phương án tóm tắt đúng và đầy đủ nhất nội dung chính của phần văn bản được yêu cầu. (<i>summary for for a portion of the text/ the entire passage</i>) - Kết hợp các thông tin, chi tiết được nêu trong bài đọc với lập luận logic và kiến thức nền để rút ra một kết luận, một hàm ý hoặc một dự đoán không được tuyên bố trực tiếp trong văn bản (<i>inference question</i>)				
Tổng câu (40 câu)			16	12	12	
Tổng điểm (10 điểm)			4	3	3	
Tỉ lệ			(40%)	(30%)	(30%)	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2026 – 2027
MÔN TOÁN 12

Học vấn môn học		Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề toán học			NL mô hình hóa toán học		
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
		Nhận Biết	Thông Hiểu	VD	Nhận Biết	Thông Hiểu	VD	Nhận Biết	Thông Hiểu	VD
Ứng dụng đạo hàm để Khảo sát và Vẽ đồ thị hàm số	Tính đơn điệu hàm số	TN1	TN2							
	Cực trị hàm số	TN3								
	GTLN -GTNN hàm số...	TN4			TN5					
	Tiệm cận hàm số	TN6								
	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số	TN7	TN8							
Vectơ và hệ tọa độ trong không gian	Vectơ và các phép toán trong không gian	TN9								
	Tọa độ của vectơ trong không gian...	TN10								
	Biểu thức các phép toán tọa độ vectơ...	TN11			TN12					
Trắc nghiệm:	Câu 1: Cho công thức hàm số, cho bảng biến thiên, cho đồ thị hàm số xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị	Đ-S 1a Đ-S 1b	Đ-S 1c Đ-S 1d							

Đúng - Sai	max - min, tiệm cận, tương giao...									
	Câu 2: Cho công thức hàm số $f(x)$, cho đồ thị của $f'(x)$, xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị max - min...	Đ-S 2a Đ-S 2b	Đ-S 2c,d							
	Câu 3: Vectơ và các phép toán trong không gian ...	Đ-S 3a Đ-S 3b	Đ-S 3c Đ-S 3d							
	Câu 4: Tọa độ điểm, vectơ, các phép toán trong không gian, bài toán chuyển tọa độ trong không gian ...	Đ-S 4a Đ-S 4b	Đ-S 4c	Đ-S4d						
TRẢ LỜI NGẮN	Bài toán chi phí – doanh thu – lợi nhuận - Cho trước hàm doanh thu, chi phí - Cho giá bán, giá mua, số lượng - Tăng giảm giá bán					TLN1				TLN2
	Bài toán chuyển động ($s \rightarrow v \rightarrow a$) - Chuyển động ngang theo phương trình - Chuyển động dọc theo phương trình - Ném thẳng - Hai vật gặp nhau			TLN3						
	Bài toán tối ưu hóa hình học - Tối ưu chu vi, diện tích, thể tích - Tối ưu chi phí xây dựng - Thời gian ngắn nhất - Tối ưu hóa hình học từ ràng buộc không gian - Dựng mô hình tối ưu từ hình vẽ thực tế						TLN4			
	Vectơ và hệ tọa độ trong không gian Các bài toán tổng hợp lực, tính công.....			TLN5			TLN6			
Tổng		16	08	03	02	01	02			01
Tỉ lệ		40%	20%	15%	5%	5%	10%			5%

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2026 – 2027

MÔN TOÁN 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Học vấn môn học			Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề toán học			NL mô hình hóa toán học		
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
Ứng dụng đạo hàm để Khảo sát và Vẽ đồ thị hàm số	Tính đơn điệu hàm số	Nhận biết: - Dựa vào bảng biến thiên, đồ thị biết được các khoảng đồng biến, nghịch biến của hàm số. - Biết được điều kiện đồng biến, nghịch biến của hàm số và nhận dạng được tính đơn điệu của hàm số đơn giản. - Biết lập bảng biến thiên để tìm khoảng đơn điệu của hàm số khi cho đạo hàm y'. Thông hiểu: - Từ hàm số cho bởi công thức tìm các khoảng đơn điệu của hàm số. Vận dụng: Tính thực tiễn của đơn điệu hàm số.... Bài toán tối ưu hóa lợi nhuận của một doanh nghiệp: Sử dụng đơn điệu hàm số để xác định số lượng sản xuất tăng hay giảm... -Mở rộng từ 2 mức trên, và các dạng toán nâng cao....	TN1	TN2							

Cực trị hàm số	Nhận biết: - Biết các khái niệm điểm cực đại, điểm cực tiểu, điểm cực trị của hàm số. - Xác định được điểm cực trị của hàm số, giá trị cực trị của hàm số, điểm cực trị của đồ thị hàm số dựa vào: Bảng biến thiên, đồ thị, đạo hàm của hàm số đã cho. - Xác định được số điểm cực trị của đồ thị hàm số. Thông hiểu: - Xác định được điểm cực trị và cực trị hay cực trị của đồ thị hàm số tương ứng với một hàm số cụ thể - Xác định được điểm cực trị và cực trị của hàm số trong một số tình huống cụ thể, đơn giản. Vận dụng : - Tính thực tiễn của cực trị hàm số - Mở rộng từ 2 mức trên, và các dạng toán nâng cao...	TN3								
GTLN - GTNN hàm số	Nhận biết: - Biết thế nào là GTLN và GTNN của một hàm số trên một tập - Nhận dạng được GTLN và GTNN của một hàm số trên một tập dựa vào đồ thị hay BBT. Thông hiểu: - Biết cách tìm GTLN và GTNN của một hàm số trên một đoạn bằng cách tính đạo hàm và tìm tất cả các điểm tới hạn của hs	TN4			TN5					

	trên đoạn đó , sau đó tính giá trị tại các điểm tới hạn thuộc đoạn đang xét và giá trị hai đầu mút rồi so sánh mà kết luận . Vận dụng : - Giải quyết được các bài toán liên quan đến thực tế trong vật lý, kỹ thuật, kinh tế, y học , sinh học... - Mở rộng từ 2 mức trên, toán nâng cao									
Tiệm cận hàm số	Nhận biết: -Cho hàm số xác định trên D. Cho giới hạn chỉ ra tiệm cận theo định nghĩa. - Tìm tiệm cận đứng, ngang của đồ thị hàm hữu tỉ. Thông hiểu: - Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên cho trước hay đồ thị cho trước. Tìm hay tính (tổng hay hiệu) các đường tiệm cận của đồ thị hàm số. - Xác định được số (phương trình) đường TCX của đồ thị hàm phân thức hay có chứa căn.... Vận dụng : - Xác định các hệ số của hàm số nhất biến, (2)/(1) khi biết trước bảng biến thiên hay đồ thị của hàm số đó... - Xác định số đường tiệm cận của đồ thị hàm số ẩn khi biết trước bảng biến thiên, đồ thị của hàm số đó... - Giải quyết được các bài toán thực tiễn...	TN6								

	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số	Nhận biết - Cho BBT (Hàm bậc ba, nhất biến, (2)/(1)) từ đó biết nhận dạng hàm số. - Cho đồ thị (Hàm bậc ba, nhất biến, (2)/(1)) từ đó biết nhận dạng hàm số. - Số nghiệm phương trình dạng đơn giản. - Nhận biết được tính đối xứng (tâm đối xứng) của đồ thị hàm nhất biến, (2)/(1). Thông hiểu - Biết các bước khảo sát và vẽ đồ thị hàm số (tìm tập xác định, chiều biến thiên, cực trị, lập BBT, biết tâm đối xứng, vẽ đồ thị) - Tìm giao điểm của 2 đồ thị cho trước phương trình. - Dựa vào đồ thị xác định số nghiệm hay dấu nghiệm của 1 phương trình $f(x)=0$ hay $f'(x)=0$. Vận dụng: Bài toán thực tế...	TN7	TN8							
	Vecto trong không gian	Nhận biết: Công thức, các phép toán vectơ, đẳng thức Vectơ, góc giữa hai vectơ.....	TN9								
	Tọa độ của Vectơ trong không gian	Nhận biết: Nhận biết được tọa độ của một vectơ, tọa độ của điểm đối với hệ trục tọa độ..... Thông hiểu:	TN10								

Véc-tơ và hệ tọa độ trong không gian		Đọc được tọa độ véc-tơ hay tọa độ của điểm từ một khối hình không gian cho trước. Vận dụng: Vận dụng vào thực tiễn (Mô hình hóa và giải quyết các bài toán) nhúng được các vật thể của hình không gian vào hệ trục tọa độ để tính toán hay định vị tọa độ ...									
	Biểu thức các phép toán tọa độ Véc-tơ	Nhận biết: Nhận biết được các công thức tổng hiệu, tích một số và một véc-tơ, tích vô hướng của hai véc-tơ.... Thông hiểu: Xác định được biểu thức tọa độ của các phép toán véc-tơ gồm cộng, trừ, nhân véc-tơ với số, và tính độ dài, góc giữa hai véc-tơ, tọa độ trung điểm, trọng tâm..... Vận dụng: Vận dụng được tọa độ của véc-tơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn...	TN11			TN12					
Trắc nghiệm: Đúng - Sai	Câu 1	Cho công thức hàm số, cho bảng biến thiên, cho đồ thị hàm số xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị max - min, tiệm cận, tương giao...	Đ-S 1a Đ-S 1b	Đ-S1c Đ-S 1d							
	Câu 2	Cho công thức hàm số $f'(x)$, cho đồ thị của $f'(x)$, xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị max - min...	Đ-S 2a Đ-S 2b	Đ-S 2c,d							
	Câu 3	Vecto và các phép toán trong không gian ...	Đ-S 3a Đ-S 3b	Đ-S 3c Đ-S 3d							
	Câu 4	Tọa độ điểm, vecto, các phép toán trong không gian, bài toán chuyển tọa độ trong không gian ...	Đ-S 4a Đ-S 4b	Đ-S 4c	Đ-S4d						

TRẢ LỜI NGẮN	Bài toán chi phí – doanh thu – lợi nhuận - Cho trước hàm doanh thu, chi phí - Cho giá bán, giá mua, số lượng - Tăng giảm giá bán					TLN1				TLN2
	Bài toán chuyển động ($s \rightarrow v \rightarrow a$) - Chuyển động ngang theo phương trình - Chuyển động dọc theo phương trình - Ném thẳng - Hai vật gặp nhau			TLN3						
	Bài toán tối ưu hóa hình học - Tối ưu chu vi, diện tích, thể tích - Tối ưu chi phí xây dựng - Thời gian ngắn nhất - Tối ưu hóa hình học từ ràng buộc không gian - Dựng mô hình tối ưu từ hình vẽ thực tế						TLN4			
	Véc tơ và hệ tọa độ trong không gian Các bài toán tổng hợp lực, tính công.....			TLN5			TLN6			
Tổng		16	08	03	02	01	02			01
Tỉ Lệ		40%	20%	15%	5%	5%	10%			5%

TỔ TRƯỞNG

LÊ VĂN THIÊN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NĂM HỌC: 2026-2027

KHỐI 12

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1;2 GDĐP 12. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %	Tổng số câu TN và TL		
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao								
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL					
1	Chủ đề 1: Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay	- Trình bày được những chuyển biến và một số thành tựu nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới từ năm 1991 đến nay; - Khai thác được số liệu, biểu đồ và tư liệu để đánh giá một số chuyển biến, hạn chế và thách thức. - Nêu được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá	6		2						1		8	1	20,25	50%	8

		trình phát triển của vùng và cả nước từ năm 1991 đến nay.													
2	Chủ đề 2: Lao động và việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động, tình hình sử dụng lao động và vấn đề việc làm. - Khai thác được số liệu để phân tích cơ cấu và biến động lao động. - Phân tích được xu hướng tuyển dụng và yêu cầu của thị trường việc làm. - Xây dựng được kế hoạch cụ thể của bản thân trong việc lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp trong tương lai.	4		2		1				6	1	20,25	50%	8
Tổng			10		4		1		1		14	2	45	<i>100</i> %	16

BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- GDDP 12 - NĂM HỌC: 2026-2027

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1;2 GDDP 12. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 1: Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay	- Trình bày được những chuyển biến và một số thành tựu nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới từ năm 1991 đến nay; - Khai thác được số liệu, biểu đồ và tư liệu để đánh giá một số chuyển biến, hạn chế và thách thức. - Nêu được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình phát	Nhận biết - Nêu mốc thời gian, kể tên thành tựu nổi bật và vị thế của TP.HCM từ năm 1991 đến nay. - Đọc và nhận diện thông tin cơ bản từ số liệu, biểu đồ. Thông hiểu - Trình bày các chuyển biến, thành tựu cụ thể trong công cuộc đổi mới. - Phân tích các hạn chế, thách thức và làm rõ vị thế của Thành phố đối với vùng và cả nước. Vận dụng - Biết cách phân tích, so sánh các số liệu, biểu đồ kinh tế - xã hội để rút ra nhận xét, đánh giá khách	6	2		1

		triển của vùng và cả nước từ năm 1991 đến nay.	quan về sự phát triển hoặc những khó khăn, thách thức của Thành phố. - Đánh giá xu hướng phát triển của TP.HCM trong tương lai; từ đó liên hệ trách nhiệm, định hướng hành động của bản thân đối với sự phát triển chung của Thành phố.				
2	Chủ đề 2: Lao động và việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động, tình hình sử dụng lao động và vấn đề việc làm. - Khai thác được số liệu để phân tích cơ cấu và biến động lao động. - Phân tích được xu hướng tuyển dụng và yêu cầu của thị trường việc làm. - Xây dựng được kế hoạch cụ thể của bản thân trong việc lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp trong tương lai.	Nhận biết Nhận biết được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Thông hiểu: Trình bày được đặc điểm nguồn lao động và tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trình bày được vấn đề việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vận dụng cao Đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động ở Thành phố Hồ Chí Minh.	4	2	1	
Tổng số câu: 16				10	4	1	1